



jīng zǐ
精子

noun · sperm

Example Sentences

jīng zǐ yǔ luǎn zǐ jié hé xíng chéng shòu jīng luǎn
精子与卵子结合形成受精卵。

Sperm and egg combine to form a fertilized egg.

yī shēng jiǎn chá le tā de jīng zǐ shù liàng
医生检查了他的精子数量。

The doctor checked his sperm count.

Trace each character, then write the word on your own.

精	精	精	精	精	精	精	精	精	精	精
精	精	精	精	精	精					

子	子	子	子	子	子					
